

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày 08-4-2025

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Sang và bà Nguyễn Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 313/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1981;

ĐKHKTT: thôn N, xã P (nay là xã L), huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

- Bị đơn: Anh **Phạm An H**, sinh năm 1977;

ĐKHKTT: thôn N, xã P (nay là xã L), huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

-Người làm chứng:

+ Ông **Nguyễn Lương S**, sinh năm 1958;

Trú tại: thôn N, xã P (nay là xã L), huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

Chị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh H và người làm chứng vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị và anh Phạm An H kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P (nay là xã L) ngày 06/11/2002. Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng với bố mẹ anh H được một thời gian thì chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống. Vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm, hơn nữa do chị sinh toàn con gái trong khi anh H muốn có

con trai nên chán nản và có người phụ nữ khác, vì vậy nên thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã, ngoài ra anh H còn mâu thuẫn cả với bố mẹ vợ. Từ tháng 10/2024, vợ chồng chuyển ra ngoài thuê nhà trọ tại thôn N, vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn. Nay chị xác định vợ chồng không thể đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Thị M, sinh ngày 07/8/2003 và Phạm Mai T, sinh ngày 08/10/2011. Đối với cháu Linh đã trưởng thành nên Tòa án không phải giải quyết, đối với cháu T đã lớn và có nguyện vọng xin được ở với chị. Chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung Phạm Mai T và tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm giáo viên Trường THCS P (nay là L), mức thu nhập trung bình khoảng từ 13 triệu đồng/tháng và chị có làm thêm. Bố mẹ đẻ chị ở gần có thể có hỗ trợ chị trong việc nuôi con với những điều kiện tốt nhất.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản, tài liệu cho bị đơn và nhiều lần triệu tập bị đơn đến làm việc, tham gia hòa giải thông qua Trưởng thôn N, xã P (nay là xã L). Mặc dù anh Hung đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án yêu cầu anh H đến làm việc, tham gia hòa giải nhưng anh H không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

+ Kết quả làm việc với ông Nguyễn Lương S (bố đẻ chị L) xác định: chị L, anh H được tự do tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng bố mẹ anh H một thời gian thì chuyển về ở chung với ông bà. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay, chị L xin ly hôn và giải quyết về con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, trường hợp chị L được nuôi con, ông bà cam kết hỗ trợ chị L trong việc chăm sóc con với những điều kiện tốt nhất.

- Tòa án tiến hành làm việc với lãnh đạo UBND xã L, đại diện hội phụ nữ và Trưởng thôn N đều được cung cấp: về thời gian và điều kiện kết hôn giữa anh H, chị L đúng như các đương sự đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống cùng bố mẹ anh H được một thời gian thì chuyển về ở với bố mẹ chị L. Quá trình chung sống anh chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Do mâu thuẫn vợ chồng anh chị không báo cáo các đoàn thể nên địa phương không tiến hành hòa giải cho anh chị ấy. Nay chị L xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có 02 con chung như các đương sự đã trình bày, cháu lớn đã trưởng thành, cháu T đang ở với cùng anh chị, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các con chung. Hiện bố mẹ và anh chị em ruột của anh H chuyển hết lên TP Hà Nội sinh sống, người thân ở địa phương không còn ai, anh H đang làm công

nhân ở địa phương, sáng đi tối về, còn cụ thể anh H làm gì, ở công ty nào, địa chỉ cụ thể địa phương không nắm được

Tại phiên tòa, chị L có đơn xin giải quyết vắng mặt, vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, anh H đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng không đến tham gia phiên tòa.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phạm An H; Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được nuôi dưỡng con chung Phạm Mai T, sinh ngày 08/10/2011 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Phạm An H được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị L, anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm An H kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phượng Kỳ (nay là xã Lạc Phượng) ngày 06/11/2002 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Theo chị L xác định là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bên cạnh đó anh H không quan tâm đến gia đình và còn không chung thủy, từ đó mà vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Lời khai của chị L phù hợp với biên bản làm việc giữa Tòa án với trưởng thôn và đại diện các đoàn thể xã L và người làm chứng. Căn cứ vào các tài liệu Tòa án thu thập được xác định anh H hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn N, xã L, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, hiện làm công nhân. Chị L đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn tại thời điểm khởi kiện và đã được UBND xã L xác nhận được coi là đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên khi được Tòa án triệu tập, anh H đã nhận được các văn bản tố tụng nhưng cũng không đến Tòa án làm việc, tham gia hòa giải, không gửi văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm của mình, gây khó khăn cho chị L trong việc ly hôn. Thực tế từ khi chị L khởi kiện đến Tòa án, anh H cũng không có biện pháp nào dàn xếp quan hệ vợ chồng với chị L, tình cảm

không có chuyển biến theo chiều hướng tích cực, điều đó chứng tỏ anh H cũng không có thiện chí muốn đoàn tụ, chị L vẫn cương quyết ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị L, anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị L được ly hôn anh H là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[4] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Thị M, sinh ngày 07/8/2003 và Phạm Mai T, sinh ngày 08/10/2011. Đối với cháu Linh đã trưởng thành nên Tòa án không phải giải quyết, đối với cháu T đang ở với chị L. Chị L xin nuôi dưỡng cháu T và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung của chị L thấy rằng: Cháu T đã lớn và có nguyện vọng được ở với chị L, thực tế từ khi vợ chồng mâu thuẫn, cháu T vẫn do chị L nuôi dưỡng, chị L cũng là giáo viên, có thời gian chăm sóc cháu nhiều hơn, anh H cũng không đến Tòa án làm việc và thể hiện quan điểm về con chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, HĐXX giao cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Phạm Mai T, sinh ngày 08/10/2011 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở theo quy định tại 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị L không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phạm An H

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Mai T, sinh ngày 08/10/2011 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23, số 0005721 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã L, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

ỘI THẨM NHÂN DÂN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Quân